

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2026/DS-ST

Ngày 05/8/2026

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Văn Thị Thu Vân;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXXST-DS ngày 14/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Huyền T, sinh năm 1976; số căn cước công dân 064176003370, cấp ngày 28/6/2021; nơi thường trú: Tổ G, phường D, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Ông Trương Hoài S, sinh năm 2001; số căn cước công dân 064201005653, cấp ngày 16/8/2021; nơi thường trú: Thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai;
2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; số căn cước công dân 064094004428; nơi thường trú: Làng B, xã T, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện nay: A Q, phường A, tỉnh Gia Lai;

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Diễm T1, sinh năm 1985; số căn cước công dân 064185000766, cấp ngày 15/12/2023; nơi thường trú: 9 H, Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai; có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Ông Lê Quốc V, sinh năm 1980; số căn cước công dân 064080000323, cấp ngày 30/3/2021; nơi thường trú: 9 H, Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Huyền T là anh Trương Hoài S trình bày: Vào ngày 05/12/2024 chị Lê Thị Diễm T1 và chồng là Lê Quốc V vay của bà T 700.000.000 đồng, thời hạn vay đến hết ngày 05/12/2025. Hai bên ký “Giấy mượn tiền” thể hiện nội dung vay. Theo giấy mượn tiền các bên không thỏa thuận lãi suất và việc trả lãi, tuy nhiên theo thông tin đại diện nguyên đơn nhận được từ nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất vay là 2,5%/tháng, bị đơn đã trả lãi từ thời điểm vay cho đến ngày 05/12/2025 thì không trả nữa. Ngày 22/8/2025 bị đơn đã trả tiền gốc 100.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc còn nợ là 600.000.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 06/12/2025 đến nay. Đối với tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá mức lãi suất 20%/năm nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền gốc còn nợ.

2. Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn bà Lê Thị Diễm T1 và ông Lê Quốc V thể hiện: Vợ chồng ông V, bà T1 có vay của bà T 700.000.000 đồng, đã trả lãi theo mức lãi suất 2,5%/tháng từ thời điểm vay đến cuối năm 2025 thì không trả nữa. Nay vợ chồng bà T1, ông V đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin được kéo dài thời gian trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị Diễm T1, ông Lê Quốc V; nơi thường trú: 9 H, Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

[2] Bị đơn bà Lê Thị Diễm T1, ông Lê Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà T1, ông V.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Bị đơn bà T1, ông V thừa nhận năm 2024 có vay của nguyên đơn bà T 700.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, đã trả 100.000.000 đồng còn nợ lại 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thống nhất với ý kiến của bị đơn về việc giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất vay 2,5%/tháng. Do vậy xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, hết thời hạn vay bị đơn không thực hiện trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[3.1] Về số tiền gốc còn nợ và nghĩa vụ trả: Các bên thỏa thuận lãi suất vay là 2,5%/tháng tức 30%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, trường hợp lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn thì không có hiệu lực. Bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 05/12/2024 đến ngày 22/8/2025 là $700.000.000đ \times 2,5\%/tháng \times 9 tháng =$

157.500.000đ, tiền lãi mà bị đơn đã trả vượt quá 20%/năm là 157.500.000đ – $(700.000.000đ \times 20\%/12 \times 9 \text{ tháng}) = 56.388.889 \text{ đồng}$. Bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 23/8/2025 đến ngày 05/12/2025 là $600.000.000đ \times 2,5\%/tháng \times 3 \text{ tháng} = 52.000.000 \text{ đồng}$, tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá 20%/năm là $52.000.000đ - (600.000.000đ - 56.388.889đ) \times 20\%/12 \times 3 \text{ tháng} = 20.591.358 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá từ ngày 05/12/2024 đến ngày 05/12/2025 là 76.980.247 đồng. Trừ tiền lãi đã trả vượt quá 20%/năm vào số tiền gốc bị đơn đã trả thì tính đến ngày 05/12/2025 thì số tiền gốc bị đơn còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn là 523.019.753 đồng.

[3.2] Về tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền gốc còn nợ sau khi trừ đi tiền lãi vượt quá quy định, theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 06/12/2025 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 06/12/2025 đến ngày 05/8/2026 (8 tháng) là $523.019.753đ \times 20\%/12 \times 8 \text{ tháng} = 70.607.667 \text{ đồng}$.

[3.3] Về thời hạn trả: Bị đơn yêu cầu được trả dần hằng tháng, nguyên đơn không đồng ý nên bị đơn phải trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $20.000.000đ + (4\% \times 193.627.420đ) = 27.745.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị Diễm T1 và ông Lê Quốc V phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Huyền T số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 593.627.420 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 523.019.753 đồng (năm trăm hai mươi ba triệu, không trăm mười chín nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng) và nợ lãi là 70.607.667 đồng (bảy mươi triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị Diễm T1, ông Lê Quốc V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.745.000 đồng (hai mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Phan Thị Huyền T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị Huyền T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004486 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 05/8/2026. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Thi hành án dân sự khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo